



Bản Tin Hương Phật

số 29 Văn Hóa Phật Giáo & Thông Tin Phật Sự Của
4/2017 Chùa Phổ-Tử & Trung Tâm Tu Học Phổ-Trí

TRONG SỐ NÀY:

Thư Mời Phật Đản	1
Bóng Dáng Phật Sơ Sanh	2
Thử Quan Trắc	
Một Mạch Suối Ngầm Tư Tưởng	8
Thầy Tôi	13
40 Năm Tuổi Đạo	15
Hương Thiền	
Chân Giác Bất Ly Trần	18
40 Năm Trọn Đạo Giữa Đời	19
Hình Ảnh Sinh Hoạt	
tại Đạo Tràng Phổ Tử	
Phổ Trí	
Những Ngày Đầu Xuân	25
Trại Tỉnh Thức 2017	26
Chuyến Hành Hương	
Xuân Đinh Dậu	27
Beginning Anew	31
Lịch Trình Sinh Hoạt 2017	35



ĐỊA CHỈ PHÁT HÀNH

CHÙA PHỔ-TÙ

17327 Meekland Avenue
Hayward, CA 94541-1308
Tel: (510) 481-1577
E-mail: thichtuluc@yahoo.com
www.chuaphotu.net

Chủ Trương:
Chùa Phổ Tử

Biên Tập & Thực Hiện:
Thích Từ Lực
Thích Nguyên Tịnh
Trần Mạnh Toàn
Diệu Mỹ
Trần Kiêm Đoàn
Tâm Thường Định
Tâm Hào - Quảng Bích
Hoa Huệ
Quảng Lý
Trình bày:
Focus Print & Copy

Mừng Phật Đản Санх Vesak Celebration

Sunday, May 14, 2017 • 9:30AM

Kính gửi: Quý Phật tử và Đồng hương xa gần,
Thưa Quý Vị,

Năm nay, trong tấm lòng biết ơn đối với công
on hóa độ của đức Thích ca Tù phu, chúng tôi trân
trọng kính mời Quý Vị và thân quyến tham dự lễ
Phật đản vào lúc 9:30 giờ sáng, ngày **Chủ Nhật,**
14 tháng 5 năm 2017 (tức là 19-4 âm lịch), tại khuôn viên Chùa Phổ
Tử, 17327 Meekland Avenue, Hayward, CA 94541.



Đặc biệt, sẽ có phần “Triển lãm Hình ảnh 30 năm Sinh hoạt tại Đạo tràng” và chương trình “Văn nghệ cúng dường Phật Đản” với sự
tham gia của các ca sĩ thân thương ở địa phương và sự đóng góp của
3 Gia đình Phật tử Chánh Tâm, Chánh Đức và Chánh Hòa.

Ngoài ra, còn có chương trình Tu tập, trì tụng kinh điển Đại thừa
trong một tuần lễ để cầu nguyện cho thế giới được an lành, tinh thần
Từ Bi, Hỷ Xả của đạo Phật thẩm nhuần vào cuộc sống, đem lại bình
an, lợi lạc cho muôn loài.



Kính chúc Quý Vị và thân quyến được
nhiều sức khỏe, an vui.

Trân trọng,
Từ Lực
Thích Từ-Lực

BÓNG DÁNG PHẬT SƠ SANH

Thích Nguyên Tịnh

Em thương,

Mỗi lần viết được đoạn văn hay bài thơ ngắn nào, anh đều thấy lòng rất biết ơn mẹ. Em biết đó, mẹ được đi học rất ít, tuổi học trò của mẹ thật ngắn ngủi, có thể vì vậy mà mẹ muốn những đứa con của mẹ phải trân trọng sự học hành. Anh thì học chẳng đến đâu, rất làm biếng, từ nhỏ đã ước mơ lớn lên vác ba lô đi du lịch thôi. Vậy mà anh vẫn học được từ mẹ rất nhiều điều, và những điều ấy, vẫn là hành trang cho anh mang theo trong cuộc đời.

Anh nhớ, từ những năm học lớp một, lớp hai, những năm anh vừa tập đọc tập viết, mẹ đã dạy anh viết thư thăm ngoại và các dì. Thời đó, từ miền trung Việt Nam đến miền tây Việt Nam là cả một khoảng cách dài như vô tận, chỉ liên lạc với nhau bằng thư. Mẹ theo ba đưa các con về Huế sau khi sinh anh một thời gian, từ đó mẹ xa gia đình ngoại biên biệt, rất lâu sau mẹ mới có dịp về thăm. Khi anh bắt đầu đi học, anh nhớ, mẹ dạy cho ba đứa con viết thư thăm gia đình ngoại mỗi tuần. Anh hạnh phúc lắm khi được làm điều này. Những buổi chiều sau khi ngủ dậy, ánh sáng rọi trước sân nhà, vài tia nắng xuyên qua mái ngói nambi đâu đó trên nền, anh ngồi viết thư cho gia đình ngoại. Bên ngoài, từng cơn gió đi qua thổi cong ngọn tre, thân tre chạm vào nhau nhẹ như tiếng đưa nôi. Lá thư nào anh cũng viết bằng cả niềm vui, bằng cách dài nhất. Khi nào một trong ba anh em nũng nịu cái chuyện không biết viết gì thì mẹ đều nhắc, chỉ khi nào mình sống không có tình cảm nữa, các con mới không biết viết gì. Các con có cả tuần để kể chuyện nhà, chuyện học, chuyện chơi, chuyện quang cảnh, không thiếu cái để viết. Các con có biết đó là món quà đẹp nhất các con có thể tặng ngoại không, và cũng là lòng hiếu thảo các con dành cho ba mẹ. Những lúc mẹ nói vậy, anh cảm động lắm, và anh viết thật say sưa. Không biết lúc đó em gái anh đang biểu hiện ở đâu nữa.

Mỗi lần viết xong, mẹ ngồi chung và đọc lại, sửa từng lỗi chính tả, từng dấu chấm dấu phẩy. Anh thích viết có lẽ từ những ngày ấy. Có một hôm anh nhận được món quà từ các dì gửi về, là một lá thư và một cuốn sách. Thời đó quê mình sách đọc còn hiếm, ai có quyển gì mới là oai lăm. Anh nhận được tập thơ Góc sân và khoảng trời, bìa màu xanh rất thanh thoát. Đó là viên ngọc tuổi thơ anh. Đi đâu, anh cũng mang theo. Mỗi lần nhớ lại cái cảnh thằng bé năm xưa, mặc cái quần cộc với áo thun ngả màu, giữ tập sách noel lung quẩn là anh mắc cười quá đi. Hết khi nào thích thì mang ra đọc, thật có dáng một người mê sách. Hôm nay ngồi viết cho em, anh tiếp xúc được với anh, với mẹ, với gia đình mình của hơn hai mươi năm về trước.

Hiện anh đang ngồi ở xóm Thượng để viết cho em. Khung cảnh nơi này hiền lành lắm. Anh qua đây khi những rừng cây đang mùa chín lá, và hiện

giờ thì cây cối đã trơ những cành gầy ra giữa mùa đông lạnh. Những ngày băng đóng trắng xóa, những ngày nắng hiền trải khắp, và có ngày tuyết rơi, một khung cảnh đẹp như bức tranh cổ. Hôm trước, quán niệm từ xóm Mới trở về, mưa khá lớn, tuổi thơ với mưa trong anh hiện về thật rõ. Mưa đối với anh là một người bạn rất đẹp, rất hào sảng, rất thủy chung. Anh nhớ, cũng khoảng thời gian lớp hai, lớp ba, anh hay trốn ngủ trưa để đi chơi. Anh tin đứa con nít nào cũng thèm như vậy. Con nít thường không khoái gì cái món ngủ trưa mà người lớn luôn ao ước đó. Chỉ khi nào không thể trốn được, con nít mới nhăn nhó nằm lên giường như một sự chịu đựng quá sức, và sự thật là không lâu sau, đã chìm vào giấc ngủ ngon lành như một thiên thần. Cuối xóm của mình lúc đó có nhà một bác đạp xích lô, và buổi trưa, chiếc xích lô luôn được để ngay đầu ngõ. Anh đi loanh quanh khắp xóm chơi với mấy đứa bạn trốn ngủ. Hôm nào không có ai, anh tới ngồi trên chiếc xích lô đó. Có một buổi trưa, khi anh ngồi trên chiếc xích lô vẫn để cuối xóm thì từ đâu mây đen kéo đến ùn ùn, nắng bỗng nhiên biến mất, bất ngờ gió thổi tung trận xào xác cuốn tung lên bao nhiêu lá tre, bao nhiêu bụi đường, những tiếng sấm sét bắt đầu xuất hiện ở phía núi. Thế nào một trận mưa trong mùa hè cũng đến.

Những trận mưa bất ngờ này, người nông dân rất ngán, vì sẽ không thể gom kịp lúa đang phơi trước sân, những nhà hàng xóm thấy vậy thế nào cũng chạy qua giúp một tay thì may ra, ai cũng mồ hôi nhễ nhại mà đầy tình người. Những trận mưa như vậy thường kéo dài khoảng hai tiếng đồng hồ. Biết chạy về sẽ không kịp, anh kéo tấm che ngang qua đầu và ngồi nhìn ra bên ngoài. Chỉ một lúc sau là những giọt mưa thật nặng rơi xuống, trong khi gió vẫn đang lùa qua oằn oại những đợt tre, lá tre rơi theo với mưa. Anh ngồi đó, lòng tràn ngập những cảm xúc, thấy trời đất bao la, những bong bóng nước tan biến thật nhanh trước mặt. Đôi mắt anh dán chặt vào khoảng mưa mù mịt. Lòng đứa trẻ lúc đó sao yên ắng quá, lắng dịu lạ kỳ, không chút sợ hãi dù như cả không gian mênh mông ấy chỉ có mình nó hiện hữu. Đứa bé ao ước sao cho mẹ, cho ba, cho những người xung quanh được sống trong sự thanh bình ấy, đừng tranh giành nhau, làm khổ nhau, lớn tiếng la lối nhau bằng những lời không đẹp nữa. Sao ba mình không mua một chiếc xích lô để chở cả nhà đi quanh chơi, hay để dưới bụi tre cho cả gia đình cùng ngồi ngắm mưa, ngắm trăng ngắm sao, để tình thương có thật. Và trời bất ngờ tạnh mưa, gió ngừng thổi, những giọt nước mưa rơi xuống còn tạo ra những chiếc bong bóng trên



những dòng nước nhỏ chảy dọc mặt đường đất. Áo quần anh ướt gần hết vì những cơn gió tạt vào. Lá tre còn xanh rụng đầy. Đứa bé khi ấy, anh còn thấy hình ảnh nó bước từng bước chân trần chậm rãi về nhà, cho những giọt nước trên lá tre rớt xuống đầu, xuống cổ giữa nền trời ướt tối. Đứa bé ấy đã sợ mẹ quở trách nếu chạy về giữa đường gặp mưa ướt, vậy mà nó không còn chút sợ hãi nào dù sau cơn mưa áo quần cũng ướt hết. Những kỷ niệm ấy với anh thật ngọt ngào. Hôm nay kể cho em, đứa bé năm xưa ấy trong anh vẫn hiện về rất rõ.

Vài năm sau anh đi tu, em chuẩn bị vào lớp ba. Được dịp về thăm nhà, hai anh em mình đều nắm tay nhau đi quanh chơi trong vườn nội, khu vườn có bao nhiêu là cây ăn trái, như một thiên đường trẻ thơ. Mỗi lần kể chuyện ở chùa, em đều nhìn anh và nói, lên lớp tám em sẽ đi tu như anh. Thường buổi nói chuyện sẽ kết thúc bằng cách hai anh em bàn với nhau hôm nay mình sẽ mua nửa ký me, hay nửa ký cúc, hay nửa ký xoài để hai anh em chấm muối ớt. Mẹ sẽ làm muối ớt cho mình. Anh xin lỗi em nghe, sau đó, anh đã không có cơ hội để tiếp tục tưới những hạt giống tốt trong em thêm lớn. Anh tu học càng ngày càng ít niềm vui, lý tưởng của người trẻ trong anh càng ngày càng chao động với bao nghi ngờ và thắc mắc. Anh làm việc với tâm hành của anh đã mệt rồi, nên thật sự không có mặt đó cho em. Mỗi lần anh ghé vội về nhà là những lần về với một nỗi muộn phiền, cũng chỉ về xin tiền ba mẹ để làm gì đó, rồi thôi. Chắc thời gian đó em giận và buồn anh lắm. Hình ảnh ấy của anh có thể cũng đã làm em nghi ngại về con đường anh đang chọn. Rất lâu hai anh em đã không nói chuyện. Chắc phải đến lúc em học lớp chín, lớp mười, anh mới bắt đầu nói chuyện nhiều lại với em. Gia đình mình thời gian đó cũng chẳng có mấy khi hạnh phúc em nhỉ. Mỗi lần có mặt cho em, anh nhận ra em lớn lên từng ngày, chững chạc, và đầy tình thương. Anh đã nghe mẹ kể chuyện có ngày em đi học về ướt hết, mẹ hỏi, em chỉ trả lời là lâu lâu tắm mưa cũng vui mà mẹ, cho qua chuyện rồi thôi, vài

ngày sau mẹ mới biết là em đã tặng chiếc áo mưa cho một bạn nhà nghèo trong lớp. Mẹ sợ em bệnh mà lại rất vui khi biết em có hạt giống san sẻ ấy của mẹ từ rất sớm. Anh đã nghe em nói suy nghĩ của em về lòng bao dung. Phần thưởng ở lớp em đều san sẻ cho các bạn nghèo. Em đã dành rất nhiều tiền để mua sách thiếu nhi, lập một thư viện nhỏ ở nhà cho các em quanh xóm tới mượn đọc. Anh ấm lòng khi nghe em nói, những đứa bạn nhiều mặc cảm vì học dở và nhà nghèo cần bạn lăm, em hứa với lòng em là sẽ đến chơi với những bạn đó, họ thật sự cần sự có mặt của bạn bè. Các bạn nghèo, học dở không phải là một cái tội, vậy mà hay bị quở trách và đối xử không đẹp, tình thương là gì nếu không phải là hướng về những hoàn cảnh ấy. Đến bây giờ, khi em là một sinh viên, em vẫn sống được với ý thức đó phải không em.

Những năm sau này, anh em mình đã có những buổi nói chuyện với nhau thật đẹp. Mẹ thường hay để khôn gian cho hai anh em nói chuyện, thường khi nào anh gọi thì mẹ mới tới ngồi chơi chung. Tình thương của mẹ âm thầm mà vô tận trong anh. Chiếc cửa sổ trên gác, nơi anh em mình thường ngồi chơi, nhìn ra thấy cồn cát thật xa, rồi cánh đồng trải dài, rồi nghĩa trang với bao nhiêu nấm mộ. Chính nơi khung cửa ấy, ý thức về vô thường, về thân phận những nấm mộ đã lóe sáng trong anh mà anh phát tâm xuất gia. Và cũng chính nơi ấy, em đã nói cho anh nghe những suy tư của tuổi trẻ về quê hương, về tương lai, về giáo dục, về những ước mơ, về lý tưởng muốn phụng sự cho đời.

Em thương,

Tuổi trẻ là tuổi nhiều khát vọng, muốn sống, muốn phụng sự, muốn mang cả bầu nhiệt huyết ra mà làm đẹp cho đời, chỉ muốn tìm ra cái đẹp làm đẹp thêm cho đời. Cũng như anh, cũng như em, có khi mình thấy lòng cạn khô lý tưởng. Thao thức vẫn còn đó, nhưng chúng ta làm được gì trên quê hương chúng ta? Không phải chỉ đến thế hệ anh em mình mới đặt lên những câu hỏi, thế hệ cha anh mình

cũng từng có những lúc chết lặng trước lý tưởng thanh cao mà không thực hiện được. Anh thương lầm khi đọc những dòng chữ của Trịnh Công Sơn đã viết từ năm 1972, những năm chiến tranh của ý thức hệ, của nghi kỵ, hận thù, của huynh đệ không tin nhau trên khắp quê hương ta: “Nhân loại đã biết rõ, tuổi trẻ Việt Nam không thiếu lòng dũng cảm. Một tuổi trẻ chịu quá nhiều thiệt thòi nhưng rất ít những lời thở than. Hôm nay, tôi thấy thấp thoáng dưới những trung tâm sâu của tuổi trẻ chiến trường chập chờn những mối tư nghị. Có điều gì bất thường đang chớm trong lịch sử... Không phải chúng ta thiếu lòng tin, nhưng tôi tự hỏi, chúng ta sẽ thấy gì trong những ngày sắp tới?”

Tuổi trẻ đã vì lý tưởng mà đi vào rừng sâu, đi vào chiến trường, muốn có hòa bình, muốn có tiếng cười, muốn mẹ hiền không còn những giây phút tủi thân, muốn cha mình không còn co ro tăm tối, rồi họ thấy, đây là một trận chiến không vì chính nghĩa, không vì tình thương, chỉ là sự giả dối nhân danh cờ áo, nhân danh hòa bình trên xác anh em. Nhận ra điều đó, tâm hồn và niềm tin trong người trẻ bị tổn thương nặng nề, tội nghiệp quá phải không em. Mình đã sống cho cái gì và đã nhận được cái gì? Thời nhỏ, anh tự hỏi, sao học lịch sử mà chỉ nghe quân địch chết hàng chục ngàn người, quân ta thì không thấy nhắc tới số lượng thương vong, vậy sao đi đâu cũng thấy nghĩa trang liệt sĩ nằm quanh hiu rêu phủ. Có cái gì đó không rõ ràng, không thật. Thỉnh thoảng anh đã nghi ngờ những lời người lớn nói và sách vở nói. Đi tu rồi, anh có cơ hội tìm hiểu về nhiều vấn đề hơn nên mọi thứ sáng tỏ hơn, anh càng thương em, thương tuổi trẻ chúng ta.

Em ơi, chính mỗi chúng ta phải có con đường. Có con đường cho mình thì chúng ta mới san sẻ con đường đó cho những người ta nguyện thương yêu được. Anh em chúng ta cần một ước mơ sống thật đẹp. But có dạy về một trong bốn loại thức ăn để nuôi thân tâm là Tư niệm thực, tức là cái lý tưởng của mình, cái ước mơ sâu sắc nhất của cuộc



đời mình. Mình chưa làm được gì, nhưng mình phải có lý tưởng. Và lý tưởng ấy phải được đặt trên căn bản của tình thương, của sự hiểu biết đúng đắn, có ích cho mình và cho đời. Có lý tưởng là mình có ánh sáng, và chúng ta sẽ xây dựng công trình ấy dần dần, không cần nóng vội. Nếu chúng ta không làm được, con cháu chúng ta sẽ làm, những thế hệ tiếp nối chúng ta sẽ làm. Cái nghĩa luân hồi là như vậy đó em à. Có nhiều lần em than thở với anh về những đứa bạn trong lớp đang học để tranh giành nhau một chỗ đứng, thầy cô giáo đang dạy cho tuổi trẻ cách kiếm tiền, cách tham nhũng bằng chính những việc làm của họ. Anh ngồi nghe mà cảm được năng lượng ấm áp trong em thoát ra qua ngôn ngữ. Anh thương quá. Lâu rồi anh không đi học bên ngoài, nhưng anh biết được những chuyện đó. Anh thích mở những buổi nói chuyện, những khóa tu

cho người trẻ cũng lấy cảm hứng từ những chia sẻ của em. Mình phải tìm thấy sự lắng dịu trước tiên đã em nhỉ. Khi những bất công còn có đó mà mình chưa biết phải làm gì, thì người thông minh là người phải biết dừng lại, dừng để cho những bất công ấy làm mình bị thương thêm. Thương mình thì dừng để mình thành nạn nhân. Chúng ta phải biết giữ lửa. Chúng ta dừng biến mình thành những lời than thở, thành nỗi tuyệt vọng. Chúng ta cần tĩnh lặng. Tĩnh lặng để thấy rõ, và để trị liệu những tổn thương trong mình. Tĩnh lặng sẽ mở ra con đường cho chúng ta. Anh em mình, ai cũng có nhiều hạt giống muốn chống lại sự bất công. Và cả anh, cả em, đều cần thực tập thêm sự dừng lại, sự tĩnh lặng nơi mỗi bước chân, nơi mỗi hơi thở, nơi mỗi lời nhận xét. Anh biết, có khi một hạt sạn nhỏ xuyên qua da vào lòng bàn chân, nếu mình không biết, mình sẽ có cảm giác khắc cơ thể mình nơi nào cũng bị thương và đau nhức hết. Thông minh, lấy hạt sỏi ra, mình sẽ thoải mái liền. Có những tư tưởng, như hạt sỏi nhỏ ấy, nếu mình không cẩn thận, nó cũng khiến mình đau nhức khôn nguôi.

Anh thực tập lấy những hạt sỏi ấy ra cho khỏi đau nhức bằng cách dừng lại. Đi thiền và thở là những cách dừng lại. Có một hôm đứng trước một mặt hồ đóng băng, và tuyết rơi phủ một lớp trăng rất đẹp trên đó, anh đã đứng chơi và thấy được rằng, có khi bên ngoài mình tĩnh lặng như mặt hồ hôm ấy, nhưng trong sâu thẳm, mọi thứ vẫn đang hoạt động, đang cuốn cuộn, đang va chạm thống thiết. Mình phải thật sự dừng lại mới có thể kéo mình ra khỏi những nghi ngờ, buồn phiền hay tức giận, cả nỗi tuyệt vọng nữa. Từng bước chân yên trong hơi thở ý thức, từ từ anh lắng dịu những lao xao, thiết lập được lãnh thổ bình an cho thân và cho tâm. Khi thực tập, anh khám phá ra, chỉ lúc nào lòng mình thật sự yên, mình mới thấy viên sỏi nhỏ ấy đang nằm ở đâu trong những chiếc hộp của tâm, nó có tên gọi là gì, màu sắc thế nào. Ví dụ, viên sỏi đang thật sự nằm trong chiếc hộp của tâm anh là viên sỏi có tên tuyệt vọng, màu sắc của nó cũng long

lanh lăm nhưng nó có công năng khiến anh bế tắc khi cứ chiêm ngưỡng và tôn thờ nó, rồi nó kéo theo bao nhiêu là viên sỏi có tên khác nhau, như nghi ngờ, buông xuôi, tự vẫn, hờn dỗi. Người không thực tập giỏi cũng rất thích chiêm ngưỡng viên sỏi ấy, đó là một cái thú, thú đau thương. Một nhà thơ có viết một bài thơ tựa đề tên là Thú đau thương, nghe tội nghiệp lắm, em đã đọc chưa? Khi anh gọi đúng tên viên sỏi là tuyệt vọng, anh ôm ấp viên sỏi đó. Nó như da thịt của đứa bé mới chào đời, rất dễ tổn thương. Chúng ta không thể trường trị nó bằng bạo động. Nó cần được ôm ấp, che chở như đứa bé được mẹ che chở bằng tình thương và những câu ca dao ru ngủ. Làm được vậy, anh nhận biết rằng nỗi tuyệt vọng ấy đến từ nguyên nhân nào, từ bên trong mình hay từ yếu tố bên ngoài, bên nào nhiều hơn. Bắt đầu anh đủ định tĩnh để thấy cái cần thấy đó, để kéo mình đi về hướng tích cực, khoáng đạt hơn. Nó là một quá trình làm việc em à, và là một quá trình huấn luyện tâm, không phải dễ dàng đâu. Không dễ dàng, nhưng mình thực tập là sẽ làm được. Đó là niềm tin anh có. Đức Thế Tôn đã khám phá ra điều này và dạy bài pháp đầu tiên là Tứ diệu đế, tức Bốn sự thật vi diệu, em đã học kỹ chưa? Một người bạn của anh, cũng đứng lại nơi mặt hồ hôm ấy, một lúc sau, đi tìm một thanh củi dài đưa ra giữa hồ và vẽ hình một trái tim nơi lớp tuyết, phía dưới đề dòng chữ: "When my heart is open, I am free"...

Chỉ đi cho yên và thở cho yên, thật sự đi và thật sự thở, thật sự chạm chân vào được mặt đất, vào đá sỏi, vào những chiếc lá vàng, anh thấy đất mẹ đủ bao dung để cùng anh ôm lấy những tâm hành khổ đau mà chuyển hóa. Anh em mình đã chia sẻ cái này nhiều lần rồi phải không, và những tập sách Sư Ông Làng Mai cũng dạy rất rõ. Nhiều lần ở đồi thông Kim Sơn với rất nhiều hoa chổi thoảng dịu, anh cũng đã thực tập nằm xuống trên thảm hoa ấy, theo dõi hơi thở, lắng dịu nỗi tuyệt vọng hay những tâm hành không mấy dễ chịu khác, thấy mình tan vào đất, cùng đất là một, tan biến cái tự ngã một cách rõ rệt. Thực tập khoảng mười lăm phút thì

lòng anh êm dịu lấm, cảm giác mình như đã tái sinh trở lại rồi. Chỉ có niềm vui thực tập, mình phải làm việc cho chính mình, có trách nhiệm và tình thương với thân tâm mình, mình mới nuôi mình bằng tư niệm thực đẹp được em nhỉ. Báo cho em vui, anh vẫn còn nuôi cuộc đời anh đẹp lên bằng những sự thực tập cẩn bản ấy.

Mẹ dạy cho anh viết thư thăm ngoại để giữ gìn sự truyền thông và nuôi dưỡng tình thương, những trận mưa tuổi thơ dạy cho anh yên lặng, mong mọi người yên lặng, những thứ ấy, âm thầm mà trở thành lý tưởng trong anh tự lúc nào. Rồi em, san sẻ cho bạn nghèo từng cái nhỏ nhất, nói lên được cái mình ưu tư, anh tin chúng ta sẽ đẹp lên từng ngày. Có hôm anh về thăm nhà và thấy em đang dạy cho những em nhỏ quanh xóm làm toán làm văn, anh vui quá, vui hơn nữa khi nghe mẹ kể rằng có những đứa nhỏ bây giờ bắt đầu ham học, và đã trở thành những học sinh giỏi trong lớp. Em từng biến lý tưởng của em thành sự thật rồi đó, phải không? Mỗi người một bàn tay, tình thương sẽ thức dậy trong đời.

Khi anh ngồi viết thư cho em đây, anh ý thức rất rõ, thế giới vẫn còn bao nhiêu người trẻ đang hướng về cái đẹp. Mỗi người trẻ như vậy là một đức Phật sơ sinh. Chỗ anh ở hiện tại, có rất nhiều quý thầy quý sư cô còn trẻ, có tương lai, có học thức, có cơ hội làm giàu vật chất, đã bỏ lại tất cả để sống đời sống khiêm nhượng, thanh thản, buông bỏ, thanh bần và an lạc. Họ đi tìm cái gì đẹp và lành để thưởng thức, để thật sự được sống, để thật sự được bơi lội trong lý tưởng phụng sự cuộc đời của người trẻ. Đó là một tin vui em nhỉ. Họ đang vun bồi cho hạt giống của Phật sơ sinh lớn dần lên.

Anh muốn viết cho em về những kỷ niệm êm đềm. Còn bao nhiêu thứ để viết cho em, cho người trẻ, cho bạn bè, anh vui quá khi làm những điều như vậy. Tượng đài tuổi thơ ấy sẽ theo anh em mình lớn mãi, em thương, như những lời thơ Sư Ông Nhất Hạnh:

“Đứng nhìn bên khung cửa sổ sáng nay của cuộc đời”

Tôi thấy em ngã xuống, rồi em đứng dậy mỉm miệng cười

Cầu nguyện cho em đừng để thân em lấm bụi then thùng,

Đừng để tâm em mang seo cô đơn vụng về yếu đuối

Mỗi lần ngã là một lần đứng dậy

Để trưởng thành

Để cuộc đời nhường một bước đi lên

...

Em có thấy khi chiều gió qua

Nước hồ trong thoảng gợi

Nhưng rồi nước hồ sau đó vẫn bình yên

Lặng chiều bóng núi bóng trăng?

Em đã trưởng thành rồi

Cho tôi xin thêm của cuộc đời một ít tháng năm

Vừa đủ đựng

Tượng tuổi thơ can đảm”

(Dựng tượng tuổi thơ)

Thương yêu và tin cậy,

*Viết cho em và cho những người bạn,
Làng Mai, 02.02.2015*



MỘT MẠCH SUỐI NGẦM TƯ TUỞNG TRONG MỘT GIAI ĐOẠN ĐÃ QUA

Trần Minh Toàn

Cũng như lịch sử, văn hóa nước nhà có một định mệnh thăng trầm và sự tồn tại trong phong ba đem theo sự thử thách những giá trị nhân văn và xã hội mà nó nhân danh gìn giữ. Với những giá trị trên, sự biến chuyển ngay cả phôi pha là điều phải xảy ra trong suốt thời gian lưu lạc. Lịch sử cũng chứng minh trong hoàn cảnh mà giá trị văn hóa được phục hưng, yếu tố thời cơ trở nên độc lập với nhiệt tâm hay thiện ý của người trong cuộc.

Sự phục hồi một số giá trị văn hóa cũ phát khởi từ những năm đầu thập niên 30 của thế kỷ 20 trong đó có phong trào mệnh danh chấn hưng Phật giáo mà theo một phần dư luận, được khuyến khích bởi nhân duyên bên ngoài, đã trở thành khởi điểm của một cuộc vận động lâu dài, tiếp diễn qua nhiều giai đoạn với nội dung và mục tiêu thay đổi tùy theo nhu cầu và diễn biến của thực tế. Bên cạnh động lực bên ngoài nhằm gây tạo tác động tâm lý thuận lợi với người bản xứ bằng cách khuyến khích việc tôn trọng và gìn giữ văn hóa cựu truyền bản địa, người thức giả trong nước tìm thấy một cơ hội để hành động với thành tâm và thiện ý cho văn hóa mà Phật giáo là đối tượng gần gũi trước mắt. Như thế, những thành tựu đạt được có thể đều nằm ngoài ý muốn hay toan tính của người ngoài nhưng đối với người dân là những ghi dấu cần thiết cho sự phát triển đời sống văn hóa của một dân tộc. Hành động như thế đều

dẫn đến lợi hại như của việc sử dụng con dao hai lưỡi. Một bên với thâm ý kìm hãm người dân bản xứ trong môi trường văn hóa tưởng như lưu trữ ngưng đọng trước mọi trào lưu. Một bên muốn mượn làm phản động lực trước xu hướng Âu hóa triệt để và làm cơ hội thúc đẩy con dân trước vấn đề thiết thân với đất nước. Về một phương diện, văn hóa (trong đó có Phật giáo), trong trường hợp này, là môi trường để mỗi bên tranh thủ những thuận lợi cho mục tiêu của mỗi bên. Điều này đã giải thích sự hiện diện sắc thần tại một làng hẻo lánh ở miền Nam đã vượt ra ngoài ý nghĩa địa phương của một tập tục vốn ràng buộc tình tự dân tộc khắng khít.

Việc cao rao vai trò đại biểu văn học dân tộc cho truyện Kiều từ cuộc diễn thuyết của Phạm Quỳnh ngày 4.9.1924 cũng là kinh nghiệm của công cuộc phục hồi giá trị cũ nhưng không tránh khỏi là một ngoại lệ do cái nhìn mâu thuẫn giữa những người tưởng như cùng một mẫu số dân tộc.

Như đã nói, phong trào Phật giáo của thập niên 30 đã vượt qua phạm vi cuộc chấn hưng khi trở thành khởi điểm của một cuộc vận động liên tục, lâu dài và chịu không ít thăng trầm của hoàn cảnh. Cuộc xung đột Việt-Pháp, sự phân chia lãnh thổ rồi cuộc chiến ý thức hệ tái diễn đã khiến cuộc vận động có lúc phải đình gián nhưng vẫn tiếp tục tùy theo hoàn cảnh. Mục tiêu chính

thay đổi trong mỗi giai đoạn nhưng nền tảng đặt trên yêu cầu thống nhất về tổ chức và hành động ngay từ đại hội thứ nhất. Các công cuộc chấn hưng, canh tân rồi hiện đại hóa đều cho thấy hiện diện xu hướng nhập thế, đưa Phật giáo thể nhập vào cuộc đời như một tuyên ngôn dứt khoát.

Cùng với dòng thăng trầm thành bại của lịch sử, cuộc vận động mang tính chất văn hóa trên theo lộ trình gần như song hành, đánh dấu bằng sự thử thách những giá trị đã có và cả trên hồi quang của cái đã mai một. Sự phong nhiêu của dòng văn hóa lúc thịnh thời cần hiểu như đã thấm sâu vào lòng đất mà hình thành tương tự mạch nước ngầm theo thời gian làm nên lịch sử có mặt của nó. Văn chương có những đặc tính hiện hữu và phát triển riêng nhưng không mâu thuẫn trong việc thể hiện sắc thái tiềm ẩn của một dòng sông không hữu hình nhưng chứa đựng trăm nghìn tâm trạng của người có mặt trong lịch sử như điều tình cờ.

Có thể cũng là điều thuận lợi khi phong trào chấn hưng Phật giáo ban đầu thu hút được sự tham dự đông đảo trí thức tân, cựu và cao tăng tại ba miền. Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ, Nguyễn Văn Tố, Lê Dư, Nguyễn Đỗ Mục, Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Văn Vĩnh, Thiều Thủ, Trần Văn Giáp, Phan Văn Hùm... Một cuộc vận động có màu sắc tôn giáo nhưng hội đủ sắc thái của cuộc tập hợp tri thức và tín tâm, hoạt động trong địa bàn sâu rộng Nam Trung Bắc, nghĩa là có thể trông đợi đạt được những mục đích xa hơn nếu hội đủ nhân duyên cần thiết. Những tiếng nói trong Từ Bi Âm, Viên Âm, Đuốc Tuệ, Tiếng Chuông Sớm... lần lượt trở thành lời kêu gọi từ khởi điểm mang lại vọng âm cần thiết cho nỗ lực chung.

Thực vậy, trước đây, công cuộc chấn hưng Phật giáo tại Ấn Độ, Trung Hoa từ giữa thập niên 10 của thế kỷ hai mươi đã có tác dụng từ xa thúc đẩy một số hoạt động tại

nước nhà nhưng hầu như giới hạn tại địa phương trong việc mở trường hương, thuyết pháp, và nghiên cứu Phật học của một số cư sĩ.

Lần này, công cuộc chấn hưng nhằm vào việc chấn chỉnh thiền môn, vực dậy đời sống của một đức tin bằng một số biện pháp thiết thực, trong đó bằng việc thành lập các Phật học hội, đặt sinh hoạt của tôn giáo bấy lâu theo tập quán và thu hẹp trong chùa chiền vào trật tự pháp lý của một hệ thống tổ chức có quy giai, hệ cấp. Điều này có thể dẫn đến một trong những hậu quả về sau khi sinh hoạt tôn giáo phát triển đến mức độ người ta cảm thấy khuôn khổ pháp lý không còn thích ứng, sự bất bình và mâu thuẫn xuất hiện nếu những bên hữu trách không có thái độ hợp tác hay hành động đáp ứng.

Những người theo đuổi việc chấn hưng Phật giáo tại nước nhà dường như cưu mang cả quan niệm canh cải tại xứ người khi lấy việc học Phật trong hai giới tăng tín làm căn bản cho công cuộc theo đuổi. Quan niệm như trên không sai khi cả trong lần ngoài giới tăng già đều nhìn nhận sự suy vi về các mặt giáo hạnh, giáo lý và bản chất đức tin trong tăng giới và đại chúng. (1)

Như thế, cho dù công cuộc chấn hưng phát xuất do những động lực khác nhau và bước đầu chưa đáp ứng được đầy đủ sự mong đợi nơi những người thiện tâm trong cuộc, công việc trên tỏ ra cần thiết cấp thời để xóa bỏ một định kiến hay cái nhìn thiên lệch của một phần không nhỏ dư luận trước hiện tình của một tôn giáo cựu truyền khi bản chất giác ngộ của nhà Phật lại chịu sự ngô nhận như biến tướng của thụ động, yếm thế. (2)

Ngoài ra khi thực hiện việc canh cải, đã có khác biệt trong suy nghĩ về việc duy trì mối tình cảm tôn giáo đương thời của đại chúng ở nông thôn vốn dành cho Phật giáo là thứ

tôn giáo được người dân xây dựng theo hình thái pha trộn với một số tín ngưỡng cổ truyền với mối quan tâm đến nhu cầu phát triển theo quan niệm đương đại nghĩa là nhu cầu của xã hội mà các nhà chấn hưng Phật giáo theo đuổi muốn đem lại vẻ thanh khiết thuần túy cho thiền môn. (3) Vấn đề được đặt ra khi quan niệm chấn hưng muốn làm thay đổi cái nhìn bất lợi với Phật giáo trong đó có việc tách rời một số tín ngưỡng dân gian được dung nạp bấy lâu vào cửa chùa.

Tuy vậy, tinh thần cải cách mà cuộc chấn hưng đem lại trong đó có sự tiết giảm nghi thức phụng tự đã nhanh chóng trở thành quen thuộc với tầng lớp thị dân và chắc chắn sẽ là viễn ảnh người dân tại nông thôn chấp nhận một khi ảnh hưởng đô thị hóa phát triển theo tốc độ thăng tiến xã hội.

Dưới cái nhìn như trên, việc phát triển đô thị có thể sẽ góp phần thúc đẩy đáng kể vào cuộc vận động theo thời đại của Phật giáo, điều mà sau hơn hai thập niên kể từ khi đề xướng cuộc phục hưng, thực tại bất ổn và chậm tiến kéo dài khiến cho công cuộc cách tân chỉ là những bước đi giới hạn.

Ngoài ra, bối cảnh xã hội khiến ra đời phong trào chấn hưng Phật giáo không khỏi có mối tương quan nhân quả với việc xuất hiện một số tôn giáo mới (và tín ngưỡng) tại miền Nam trong hoàn cảnh phát triển đời sống tâm linh với những hình thái đáp ứng phức tạp.

Những tôn giáo mới ra đời tại miền Nam vào cuối thế kỷ 19, Bửu Sơn Kỳ Hương (phát khởi năm 1849) Tứ Ân Hiếu Nghĩa (thành lập năm 1878) mà bên cạnh tác động của thời thế còn là sự thể hiện ý muốn vượt thoát thực tại (hạ nguồn) bằng việc mượn cảm hứng và niềm tin nơi một số yếu tính nhà Phật cho việc xây dựng một ước mơ được viễn tưởng hóa (hội Long Hoa). Ở

một khía cạnh nhất định, có thể nghĩ đến sự tương đồng phần nào về tinh thần của việc khai mở đạo mới với công cuộc chấn hưng Phật giáo được theo đuổi sau này. Cả hai đều cùng chú trọng về mặt nhân thừa nghĩa là đề cao việc học Phật, tu thân để phát triển những lợi ích trong cống hiến về mặt tâm linh cho con người và xã hội.

Như thế, có thể nghĩ rằng sự ra đời của mấy tôn giáo mới kể trên tại miền Nam vào cuối thế kỷ 19, của Phật Giáo Hòa Hảo vào thập niên 30 của thế kỷ trước và một số nỗ lực hướng ứng phong trào chấn hưng Phật giáo trong cùng giai đoạn này cho thấy tương tự một dòng chảy tâm linh tiềm ẩn trong tâm hồn người miền Nam mà sự xuất hiện là sự ghi dấu mỗi bước đi cần thiết trong quá trình chuyển hóa.

Nội dung việc học Phật trong Tứ Ân Hiếu Nghĩa còn nhằm mục đích hoàn thiện việc tu nhân của con người nghĩa là chuyển mục đích giác ngộ, giải thoát của cá nhân vào việc tích cực nhập thế giúp người giúp đời. Dưới quan niệm mới này, một số tinh yếu của giáo lý nhà Phật được người dân miền Nam tin cậy, đã thâm nhập và thể hiện trong suy nghĩ, việc làm và cả trong ước mơ nữa.

Người ta có thể mường tượng ra ở một giai đoạn khó khăn của hoàn cảnh và cuộc sống, con người phải đối diện thường xuyên trước những thử thách làm tha hóa, khiến cho việc khuyến thỉnh tu thân cần được trả hình dưới điều kiện để đạt tới giải thoát

*liếc xem thuyền bá bơ vơ
sóng khơi biển thảm dật dờ sông mê
bó ai ăn ở vụng vè
không lo nước lửa nhiều bè chông gai*

(Sám Truyền Đức Phật Thầy Tây An, bản quốc ngữ của Nguyễn Văn Hầu, Tòng Sơn, 1973, tr. 102).

Cái nhìn của đại chúng về Phật giáo qua con mắt người lập đạo, dường như đã phát lộ sự song hành giữa hai xu hướng đối lập

khi cùng lúc chấp nhận thái độ xuất thế lẩn nhập thế. Một mặt, nhìn nhận nguyên lý của giải thoát

*Di Đà lục tự Nam mô
vãng sanh Tịnh độ ra vô thanh nhàn
thoát noi khổ hải mới sang
lánh vòng trần tục khỏi đàng tử sinh*

(Sấm truyền, sđd)

Mặt khác, khuyến khích hành động tu nhân theo quan niệm nghiệp báo của Phật

*chuyên tu chẳng khó ở đâu
lấy câu bố thí làm đầu rất nên
thiên thần biên chép đôi bên
thiên tăng ác giảm hư nên lời truyền*

(Sấm truyền, sđd)

lẩn xử thế theo quan niệm người hiền của đạo Nho và truyền thống

*trung quân phụ tử làm đầu
phản quân sát phụ hối câu sách nào?*

(Sấm truyền, sđd)

dẫn đến chung cuộc là hội Long Hoa, mang ý nghĩa một phần thưởng tinh thần trong một trật tự mới. Long Hoa thăng hội tiêu diêu / dữ lành đến đó mai chiều sẽ hay.

Người ta quen với việc hình dung thuyết nhân quả bằng những hình tượng giới răn quen thuộc của nghiệp báo. Đổi thừa sát hại ăn chơi / sau về địa ngục tội hành không dung / sát hại tà dâm tội hung / vọng ngôn trúá ngữ thiên công gia hình.

Rõ rệt đây là giai đoạn mà người đề xướng lẩn người tin theo đều nghĩ đến bản chất hướng thiện của tôn giáo và vận dụng như một đóng góp cho xã hội bên cạnh vai trò tâm linh. Rắn tu còn đang thành rồng / làm người sao chẳng xét trong thân mình.

Suy nghĩ của người mở đạo khi ấy xem ra vị nhân sinh hơn những người theo đuổi cuộc chấn hưng sau này khi nhằm cải thiện trường hợp bất cập của tôn giáo trong đại chúng.

Cái nhìn không xa cách của đại chúng với cửa thiền khiến cho vai trò chuyển hóa của Phật giáo trở nên gần gũi và cần thiết. Đói thời nhờ ruộng Thích Ca / khát thời nhờ nước Phật Bà dưỡng thân. Những người chủ xướng cuộc vận động khai đạo dường như tin tưởng ở kết quả cuộc tổng hợp tâm linh hình thành trong tâm thức đại chúng mà họ, những người thức thời, chỉ làm công việc thúc đẩy khi thời thế cho phép. Nước gần lớn gió đưa bè / Giữ cầm lèo lái một bề thuận theo.

Phát triển sự thể nhập Phật lý vào đời sống con người và xã hội, những người khai đạo mới tại miền Nam đã làm công việc này từ nhiều thập niên trước khi thời thế đòi hỏi. Công cuộc thể nhập, dưới nội dung khác, được tiến hành vào nửa sau thập niên 60 sau cuộc vận động của ý thức có tính cách lịch sử vào năm 1963 và mở ra một cơ hội thuận lợi cho những đóng góp mới.



Dòng chảy tâm linh phát tích từ vùng linh địa Bảy Núi (Thất Sơn) trở nên quen thuộc với người miền Nam, thể hiện trong kệ, sấm nghĩa là chứa đựng những dụ ngôn, nửa là lời răn nửa như tiên tri phù hợp với khao khát và ước mơ được siêu hình hóa. Như thế, tính chất khoa học được đề ra trong cuộc vận động chấn hưng Phật giáo vào thập niên 30 cho thấy thực tại phức tạp trong diễn biến hướng đi của tôn giáo này. Những người theo đuổi cuộc chấn hưng Phật giáo tại miền Nam phải đương đầu với những mâu thuẫn nội tại nhiều hơn, nhất là khi với đa số người dân quê tại miền Nam, những điều mặc khải chứa đựng trong sấm ký lại là con đường quen thuộc đến với giáo pháp.

Trong cố gắng thoát ly khỏi ảnh hưởng hay sự chi phối đến tự bên ngoài, có người đã nghĩ đến sự lựa chọn một hướng đi mang sắc thái riêng và cuộc vận động có màu sắc Phật giáo từ cuối thế kỷ 19 diễn ra trên mảnh đất phương Nam trở thành một kinh nghiệm chung của việc tìm kiếm. Hồ Hữu Tường đã giải thích thể loại sấm ký được ông dung nạp và cũng được đa số người đọc chấp nhận chỉ là cách biểu thị tư duy với đầu óc Việt, tránh việc nhai đi nhai lại những bã văn hóa của Tàu. (Hồ Hữu Tường, *Bốn Mươi Năm Làm Báo*, Trí Đặng, Saigon, 1974, tr.156.)

Riêng về Phật giáo, dưới mắt ông, Phật pháp cũng là một thực thể nằm trong sự tiến hóa chung, nghĩa là "trách nhiệm của mỗi tín đồ của Phật là dọn mình cho sẵn, để đón rước cái pháp mới sắp ra đời" chứ không chỉ chuyên lòng vào việc chuông mõ (Hồ Hữu Tường, *Con Thần Lần Chọn Nghiệp*, sơ bản trong tuần báo Mới, 16.5.1956.)

Truyện Con Thần Lần Chọn Nghiệp xuất hiện trên mặt báo vào năm 1956, ngoài chủ điểm là tiếp tục phát biểu quan điểm trước đây của tác giả về sứ mệnh của văn hóa, xem văn hóa giữ vai trò cảm hóa con người, là sự tu dưỡng để đạt đến mục đích cao cả của nó, truyện còn cùu mang cái nhìn riêng

về Phật giáo trong xứ với ý hướng cách tân. (Hồ Hữu Tường, *Tương Lai Văn Hóa Việt Nam*, 1946, Huệ Minh, Saigon, tái bản, 1965, tr. 53.) Theo đó, người tin Phật cần tránh việc nuôi dưỡng tinh thần bảo thủ, chấp trước và nên mở rộng nhận thức trong việc tôn trọng sự lựa chọn của tha nhân. Cõi Phật là cõi tự tại, nếu phạm đến tự do tín ngưỡng, gọi là dắt người vào, thì làm sao cho được (*Con Thần Lần Chọn Nghiệp*, sđd. tr. 171)

Chuyện con thần lần ra sức hút dầu nơi đĩa đèn bàn Phật với ý định ngăn cản nhà sư mê tín thiêu thân sau lần tụng kinh cuối hoàn tất một nghìn lần thời tụng Kinh Di Lặc, dẫn đến việc ra tay kết liễu sinh mạng con vật bé nhỏ dám ngăn cản ý định thiêng liêng của mình. Không chỉ là nêu lên tình trạng vô minh mà con người chưa thể rời bỏ, câu chuyện này suy rộng ra, cho thấy không chỉ là sự lựa chọn khó khăn của những người thực hiện việc chấn hưng Phật giáo trước tình hình đương thời của đạo nhà mà còn gợi nghĩ đến nỗi khó khăn chung dẫn đến mâu thuẫn hay xung đột giữa những quan điểm khác biệt ngoài xã hội hay trên sân khấu chính trị.

Dưới cái nhìn chung, biến cố năm 1954 có vẻ làm thay đổi phần nào ý nghĩa của phong trào chấn hưng Phật giáo tại miền Nam và ngay cả với cuộc vận động tiếp diễn trong thầm lặng của tôn giáo xây dựng trên một số yếu tính của nhà Phật là Phật giáo Hòa Hảo. Ít ra là một số người có ý thức trong tổ chức Phật giáo khi theo đuổi công cuộc chấn hưng đã nghĩ đến một tương lai khi họ thấy cần xác định một "lập trường độc lập với các thế lực chính trị tranh chấp" hay nói rõ rệt hơn là "bảo vệ chỗ đứng của mình giữa các gọng kìm ý thức hệ." (Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, tập III, sđd. tr. 319,322.)

(còn tiếp kỳ sau)



THẦY TÔI

40 NĂM

XUẤT GIA HỌC ĐẠO

Trong văn hóa Việt Nam, mỗi khi muốn ca ngợi hay nói lên công đức của người nào đó, chúng ta sẽ cố gắng chọn một từ hoa mỹ để dùng. Nhưng đối với chúng tôi, những người Phật tử dưới mái chùa mang tên PHỔ này xin được cởi bỏ hết những văn hoa bóng bẩy đó, chỉ xin được gọi vị trụ trì chùa bằng một chữ "THẦY". Bởi lẽ cái từ THẦY này đã lột tả được hết tất cả nhân cách khiêm cung, mộc mạc, dễ gần gũi nhưng đầy lòng từ bi của Thầy với muôn loài chúng sanh, với tất cả chúng tôi.

Nếu mẹ già trong ca dao Việt Nam: "... là chuối ba hương, là xôi nếp mít, là đường mía lau ..." thì với tôi, Thầy Thích Từ Lực là sen nở trong bùn, là cái bánh ít lá gai của Ngoại làm cho tôi ăn để đỡ dành cho tôi nín khóc ngày tôi còn nhỏ mỗi khi mẹ tôi bận đi chợ xa.

Khi rời Việt Nam ra đi, tôi đã mang theo quê hương, mang theo cái vị ngọt ngào, bùi béo của cái bánh ít lá gai quê nhà.

Ai đã từng nếm cái bánh ít lá gai của quê nghèo Bà Rịa, của quê hương Việt Nam, thì tôi chắc chắn với quý vị rằng: cái vị mộc mạc, bình dị nhưng

đặc biệt của mùi lá gai, hòa với cái vị béo béo của nhân đậu xanh xào với dầu – hành, bọc bên trong lớp vỏ bột đen thuần màu lá gai nấu chín sẽ đi theo quý vị suốt đời. Cũng như vậy, ai đã gặp và ngồi xuống nói chuyện với Thầy tôi một lần, quý vị sẽ mong có ngày được ngồi xuống với Thầy tôi lần nữa ... và mãi mãi ...

Thầy tôi rất thích ca cải lương và ngâm thơ. Thầy đã mang ĐẠO vào ĐỜI. Với giọng Huế ngọt ngào đặc biệt, Thầy "quyến rũ" chúng tôi với bài ca "Chuyện tình Lan và Diệp". Qua câu chuyện yêu đương đời thường của Lan và Diệp, Thầy đã dẫn chúng tôi từ ĐỜI đến với ĐẠO dễ dàng như Thầy thường nói: "Đi tu vui lắm quý vị ơi!". Và Thầy cũng đã từng viết xuống rằng:

"Xuất gia với tôi là sự lựa chọn không bắn khoăn. Tôi nhớ, khi đó, tâm trạng mình thật nhẹ nhàng. Hạnh nguyện vốn vẹn chỉ là chọn con đường ĐẠO để tu thân, hành thiện, mục đích trước mắt là báo đáp công ơn dưỡng dục của mẹ cha".

Thầy tôi ốm, bình dị. Thầy không có cái uy nghi làm chúng tôi sợ và xa lánh, mà Thầy có cái gì đó

hiền hòa, chân chất, dẫu chúng tôi từ thương mến đến kính trọng Thầy. Nụ cười thân thiện, từ bi của Thầy gợi tôi nhớ đến cái cười từ bi của Đại Đức Narada, vị tu sĩ nổi tiếng người Tích Lan hồi thập niên 60 ở Chùa Xá Lợi, Sài Gòn.

“Xuất gia là một đại nguyện,
Giữ được tâm trong, không thối chuyển là một đại duyên ...”

(Trần Kiêm Đoàn)

“Đại nguyện”, “Đại duyên” sao mà vĩ đại, chưa biết Phật pháp nhiều như tôi mới nghe đã sợ và muốn thối chuyển! Nhưng với Thầy tôi thì rất dễ dàng và thênh thang. Đó chỉ là “Vạn dặm rong chơi – Đường rộng mở (tên tựa một quyển sách của Thầy Thích Từ Lực)”. Thật vậy, nhìn lại những Phật sự mà Thầy đã và đang thực hiện cho hai đạo tràng Phổ Từ và Phổ Trí, cho gia đình Phật tử và cho giới trẻ Việt Nam ở hải ngoại, dưới hai ngôi nhà lam, đứng đầu với chữ Phổ, để thấy rõ ước nguyện cống hiến cho Đạo, cho Đời của Thầy, để thấy rõ bao nhiêu là khổ nhọc và cũng có lầm nước mắt hòa lẫn với niềm vui mà Thầy tôi đã trải qua trong chặng đường 40 năm. Và đó cũng là nền tảng cho phép Thầy thêm niềm tin và nghị lực để hoàn tất tâm niệm trong tương lai. Thật ra, 30, 40 hay 50 năm gì đó cũng chỉ là con số để đo lường và đánh dấu lượng thời gian trong đời hiện tại này thôi. Tôi chắc chắn là Thầy tôi đã theo dấu chân Phật từ lâu lăm và cũng sẽ tiếp tục trong vị lai.

Kỷ niệm “40 năm xuất gia học đạo” của Thầy, con kính chúc Thầy có nhiều sức khỏe để tiếp tục hạnh phụng sự. Con xin mượn lời ca của các ni sư ở Ni Viện Viên Chiếu - Việt Nam để hát tặng Thầy:

“Thầy không là dòng sông,
Nhưng Thầy là nước trùng dương.
Ôm đàn con vào lòng, dù con đến từ muôn phương
Thầy không là đèn trăng nhưng Thầy là vầng thái dương.
Soi tâm con một vùng, ngàn xưa vẫn hằng tăm tối.
Thầy không là bóng cây, nhưng Thầy mãi là bóng mây
Che mát con một đời, giúp con vượt nhiều chông gai.
Thầy không là trời cao, nhưng Thầy chính là đất sâu.
Ủ mầm con đâm chồi, ươm cho mầm con xanh mau.
Lời Thầy như lửa thiêng, đem mồi vào từng trái tim.
Ban cho con hùng lực, cho con tràn đầy BI, TRÍ”

Vâng, là cái bánh ít lá ngọt bùi nhưng Thầy tôi cũng đầy BI và TRÍ.

Chúng con nguyện theo bước chân của Thầy.

Diēu Mȳō• Nguyēn thò Phi Phööng

40 NĂM
TUỔI ĐẠO

Hương Thiền

Trần Kiên Noan

Cảm Niệm 40 năm xuất gia của Thầy Thích Từ Lực tại Hoa Kỳ.

“Xuất gia là một nỗi nguyễn.
Giống như Tâm trong, không thoát chuyen
là một nỗi duyên.”

Tại Việt Nam hôm nay, nếu lấy tròn số sẽ có 45.000 tu sĩ Phật giáo với dân số 100.000.000 người thì trung bình cứ 2.200 người mới có một người đi tu theo đạo Phật.

Tại Hoa Kỳ hôm nay, ước lượng có 1.200 tu sĩ Phật giáo trên tổng số 2.000.000 người Việt thì trung bình cứ 1.600 người có một tu sĩ Phật giáo.

Con số tự nó không đánh giá chân xác được tình trạng tôn giáo và chiều sâu hành đạo của các tu sĩ thuộc tôn giáo đó. Nhưng ít nhiều phản ánh được những nét tổng thể của mối quan hệ giữa quần chúng và tổ chức tôn giáo.

Mặc dầu theo truyền thống đạo giác ngộ và giải thoát, phương tiện hành đạo thiện xảo của Phật giáo là hành giả chứ không phải là học giả; tuy nhiên trong quan hệ đời sống hiện thực, những bậc tăng tài tạo được ảnh hưởng tốt nhất cho đạo Phật và nhân sinh thường hành hoạt cả hai. Những thiền sư, tu sĩ tôn túc xưa nay thường là những bậc học giả, những nhà văn, nhà thơ có



chân tài. Cũng thế, các vị Lạt ma Tây Tạng phải trải nghiệm và hoàn thành những chương trình Phật học tương đương với học vị tiến sĩ.

Với Phật giáo Việt Nam, một thuở vàng son thời Lý Trần chỉ còn là vang bóng, dư âm. Nhìn lại thời cận đại trong bối cảnh chiến tranh và phân hóa, hình ảnh đình chùa, miếu vũ và các nhà sư lặng lẽ gõ mõ tụng kinh; các ông sãi bà vãi lo hoa đèn, nhang khói hay quét lá sân chùa trong sinh hoạt Phật giáo suốt thời Pháp đô hộ không đại diện cho hình ảnh tu sĩ xuất gia, thiện giả làm công quả mà chỉ là những bóng mờ cúng bái, tán tụng lễ nghi. Trong khung cảnh đó, đạo Phật chỉ còn là một dòng tín ngưỡng hơn là tôn giáo vì thiếu vắng những sinh hoạt căn bản nhất để duy trì mạng mạch Tam Bảo: Phật, Pháp và Tăng. Mãi đến thập niên 1950, khi phong trào chấn hưng Phật giáo khởi phát và lan rộng trong cả nước, đạo Phật Việt Nam mới từng bước hồi sinh và công cuộc vận động Phật pháp, khuynh hướng đào tạo tăng tài trong nước và du học mới được thực hiện cụ thể.

Thập niên 1950 mới có tăng sĩ Việt Nam đầu tiên sang Mỹ du học là thầy Thích Quảng Liên, học

ngành kinh tế tại Yale. Rồi tới 1962 mới có thầy Thích Nhất Hạnh học ở Princeton ngành Comparative Religion sau đó dạy ở Cornell. Cũng trong thời điểm này có thầy Thích Trí Siêu và Thích Thuyền Ân học ở Wisconsin, thầy Thích Thiên Ân từ Nhật được mời dạy ở đại học UCLA và lập Trung tâm Thiền viện Quốc tế (International Buddhist Meditation Center) ở Los Angeles. Rất nhiều tên tuổi của quý Thầy nổi bật với những luận án tiến sĩ có tầm cõi khiến giới học thuật thế giới khen tặng và ngưỡng mộ.

Năm 1975 là một khúc quanh chuyển mình không chỉ đối với đất nước, dân tộc mà còn có tác dụng trực tiếp và sâu sắc đến tôn giáo. Đạo pháp và dân tộc không tách rời. Khi nói đến đạo Phật, đặc biệt là đạo Phật Việt Nam hải ngoại, thì hai quốc gia nổi bật nhất là Pháp và Hoa Kỳ. Riêng tại Hoa Kỳ thì Phật giáo Nhật Bản, Trung Hoa, Tây Tạng... đã có mặt từ trước theo người di dân vào Hoa Kỳ. Lịch sử Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ được tính từ năm 1975, khi cuộc chiến chấm dứt, đạo Phật vào xứ này cùng với làn sóng người tỵ nạn di dân. Đầu có người Việt, ở đó có đời sống tâm linh thì ở đấy có tín ngưỡng thờ phụng tổ tiên và đạo Phật.

Năm 2012 theo lịch Âm Dương Đôi Chiếu của Minh Đăng Quang thì có 337 ngôi chùa Việt tại Mỹ. Gần nửa thế kỷ sau, tính đến năm 2017 thì tại Hoa Kỳ đã có trên 450 ngôi chùa, thiền viện, tự viện, niệm Phật đường và khoảng 1.500 tu sĩ Phật giáo Việt Nam thường cư hay thỉnh giảng.

Theo sự suy nghĩ bình thường và khái niệm thông thường nhất thì người Việt đi vào các nước phương Tây là để mưu tìm một cuộc sống mới, sung sướng và thoải mái hơn ở quê nhà. Hiếm hoi lăm mới có người tìm ra nước ngoài để vào chùa hay nhà dòng mới đi tu theo lý tưởng tôn giáo của đời mình.

Cho đến nay, theo tài liệu tham khảo và tìm hiểu mà kẻ viết những dòng này có được trong tay thì người Việt Nam ở lứa tuổi thanh niên trong làn

sóng người di dân tỵ nạn đầu tiên phát nguyện thành tu sĩ Phật giáo là một thanh niên 24 tuổi, xuất gia vào năm 1977 với bốn sư Thích Tịnh Từ tại niêm Phật đường Từ Quang, San Francisco. Đó là tu sĩ Thích Từ Lực.

Trong bài bút ký tự thuật 40 Năm Xuất Gia Học Đạo, thầy Thích Từ Lực ghi lại cảm xúc của mình: “Xuất gia, với tôi, là sự lựa chọn không băn khoăn. Tôi nhớ, khi đó, tâm trạng mình thật nhẹ nhàng. Hạnh nguyện vốn vẹn chỉ là chọn con đường Đạo để tu thân, hành thiện, mục đích trước mắt là báo đáp công ơn dưỡng dục của cha mẹ...” Và, nhớ lại động cơ gieo duyên xuất gia buổi ban đầu, thầy Từ Lực chia sẻ: “Nhiều người thường hỏi lý do thúc đẩy tôi chọn con đường xuất gia nơi xứ người. Tìm kiếm câu trả lời trong chân thành, tôi chỉ có thể nhắc đến cảm giác bỗng nở trong tâm hồn mình sau khi nghe lời kinh Phật giữa lúc nỗi lòng chưa hết bàng hoàng của kẻ bỗng thành người phiêu bạt nơi xứ lạ... Đó là khi ở trại tỵ nạn Fort Chaffee, tình cờ, tôi nghe giọng tụng kinh của Ôn Trí Quang trong một băng kinh ngắn. Ôn tụng bài tựa Lăng Nghiêm, nghi thức thời kinh sáng và một đoạn của phẩm Phổ Môn. Giọng Ôn trầm, ấm, đầy thiền vị, có một hấp lực lạ lùng làm tôi đắm mình, ngưỡng vọng.”

Nói đến “Duyên” hay “Nghịệp”, cảm tính tự nhiên là liên tưởng ngay đến một sự kiện vừa xảy ra hay vừa biến mất nhưng thực sự đó là cả một tập đại thành, là kết quả của một chuỗi dài hành trạng chi li nhiều đời, nhiều kiếp góp lại mà thành. Người xưa cho rằng: “Nhất ấm, nhất trác giai do tiền định” (một hớp uống, một miếng ăn, hết thảy đều đã do định sẵn từ trước). Duyên tu hôm nay của Thầy Từ Lực cũng là do sự tổng hợp hạnh lành từ nhiều đời, nhiều kiếp mà thành. Tiếng kinh Ôn Trí Quang là một giọt nước sau cùng của ly nước tâm linh đã huân tập, tích tụ nhiều đời, nhiều kiếp suốt dòng sinh diệt của Thầy Từ Lực.

Trong suốt 40 năm qua, song hành với công hạnh tu học, Thầy Từ Lực đã đóng góp nhiều cho sự xây dựng chiều sâu và chiều cao của hình ảnh Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại qua nhiều sinh hoạt tu học, hành thiện với Phật tử đồng hương và bản xứ. Đặc biệt là nỗ lực xây dựng “chiều dài” của đạo Phật qua những hoạt động văn hóa, xã hội, giáo dục và tâm linh của tuổi trẻ Việt Nam tại Hoa Kỳ. Những tu sĩ Phật giáo “trẻ” góp phần nâng cao tổ chức và tinh bồi niềm tin, phẩm chất cho tuổi trẻ, đặc biệt là thanh niên Phật tử gốc Việt tại Hoa Kỳ có thể đếm trên đầu ngón tay trong suốt vài thập niên qua như: Quý Thầy Thích Hạnh Tuấn (viên tịch), Thích Đạo Quảng, Thích Từ Lực, Thích Viên Lý, Thích Huyền Việt, Thích Tịnh Mân... với mối quan tâm chung là làm sao giải quyết tình trạng phân hóa hiện nay để xây dựng đạo Phật Việt Nam ở các nước ngoài thành một mối.

Trong khóa huấn luyện huynh trưởng cấp 3 – Huyền Trang – trong 5 ngày từ 13 đến 17-4- 2016 tại trung tâm Quảng Đức, thành phố San Bernadino, California, tiếng nói tha thiết nhất của mỗi thành viên và tất cả đại chúng vẫn là viễn ảnh và mục tiêu của sự thống nhất đạo Phật Việt Nam tại hải ngoại. Kẻ đang viết những dòng này được duyên lành là một trong số năm thuyết trình viên toàn khóa (gồm quý thầy Nguyên Hạnh chùa Việt Nam, thầy Viên Lý chùa Điều Ngự, thầy Từ Lực chùa Phổ Từ và hai cựu liên đoàn trưởng GĐPT là Tâm Thường Định BXK và Nguyên Thọ TKĐ).

Trong các cuộc pháp thoại và hội thảo, Thầy Từ Lực đã đưa ra quan điểm nghị luận mang tính khả thi và ứng dụng thực tiễn cùng những viễn kiến đầy thuyết phục liên quan tới khả năng giáo dục, đào tạo tuổi trẻ trong thực trạng còn nhiều khó khăn và giới hạn như hiện nay.

Kỷ niệm 40 năm một quá trình cảm Đạo, tìm Đạo, gặp Đạo, hiểu Đạo, tu Đạo và học Đạo của Thầy

Từ Lực là nhìn lại và trân trọng một chặng đường dài hai phần đời không thổi chuyển của một người có nhân cách lớn vì nghiêm cẩn với chính mình, giữ hạnh bồ đề trong sáng, phát tâm từ ái với người và thường hăng hái chánh niệm làm trái tim của sự sống.

Xin trân quý chúc mừng 40 năm tuổi Đạo của Thượng tọa Thích Từ Lực với đôi dòng thơ tâm bút cảm niêm:

40 NĂM TUỔI ĐẠO HƯƠNG THIỀN

Ra đi tìm một chân trời mới
Mây néo quê người mây cố hương
Vang vọng hồn xưa tình lữ thú
Giọt suy tư nhỏ xuống canh trường

Ngày tháng phù du trôi qua mau
Thời gian như nước chảy qua cầu
Một đi bến cũ không về lại
Xuôi dòng viễn xứ biết về đâu

Hoa sen vẫn nở trong hương lửa
Nhân thế phù vân mãi đắm chìm
Về đâu ai biết về đâu nữa
Cuối bãy đầu non đã kiếm tìm

Duyên lành như đáo ưu đàm nở
Từ độ Lăng Nghiêm vắng tiếng kinh
Vọng âm che mái đời phiêu bạt
Đêm tối vườn tâm tỏa ánh trăng

Quay về nương tựa ân vi diệu
Khai thị thiền sư mở cửa không
Đời bỗng vui lên từ vạn nẻo
Nghìn năm phước hạnh tự trong lòng

Hoa linh thoại mùa xuân có nở
Giữa trần gian rũ hết ưu phiền
Ôn tri ngộ đément trong từng hơi thở
Bốn mươi năm tuổi đạo hương thiền

*Kính chúc Thầy thân tâm an lạc,
công hạnh tròn đầy.*

Chân Giác Bất Ly Trần

Duyên lành Thầy đã xuất gia,
Bốn mươi năm chẳng như là chiêm bao
Lặng Nghiêm vang vọng thuở nào
Mà trong tiệm thức Ưu đàm rộ bông

Ơn giáo dưỡng cao vời sâu rộng
Tình Thầy trò ân trọng nghĩa sâu
Tu thân, hành thiện bấy lâu
Thầy luôn thong thả qua cầu thế gian

Đem yêu thương lấp bê bang
Đem Bi-Trí-Dũng nhịp nhàng dựng xây
Tâm Thầy rộng lớn đong đầy
Hạnh Thầy vời vợi "Từ Vân... ly trần"

Tình Thầy sâu đậm nghĩa ân
Lực tâm bỗn nguyện trong ngần hưu vô.

Tâm Thường Định

❖ Kính mừng 40 năm hành đạo của Thầy Thích Từ Lực

